BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 162/2010/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2010*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi một số nghiệp vụ kinh tế và bổ sung kế toán các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh chưa được quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số tài khoản, chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính áp dụng đối với các Công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

2. Những nội dung kế toán không hướng dẫn trong Thông tư này, Công ty chứng khoán thực hiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Điều 2. Đổi số hiệu Tài khoản 353 - "Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư" thành Tài khoản 359 - "Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư". Kết cấu, nội dung phản ánh và phương pháp hạch toán của Tài khoản 359 không thay đổi so với Tài khoản 353 quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC.

Điều 3. Công ty thực hiện kế toán giao dịch mua, bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư số 206/2009/TT-BTC ngày 27/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán giao dịch mua, bán lại trái phiếu Chính phủ.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu tại điểm 3.1 phần III Báo cáo tài chính quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC (Bảng Cân đối kế toán - Mẫu số B01-CTCK)

- Sửa đổi cơ sở lấy số liệu để lập chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền" - Mã số 112. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của Tài khoản 121 "Chứng khoán thương mại" trên sổ chi tiết TK 121 và số dư Nợ chi tiết của Tài khoản 128 "Đầu tư ngắn hạn khác" trên sổ chi tiết TK 128 của các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng ít rủi ro và dễ chuyển thành 1 khoản tiền nhất định kể từ ngày mua.

- Sửa đổi cơ sở lấy số liệu để lập chỉ tiêu "Vay và nợ ngắn hạn" - Mã số 311. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Vay và nợ ngắn hạn" là số dư Có của Tài khoản 311 "Vay ngắn hạn" trên sổ Cái và số dư Có TK 341 trên sổ chi tiết TK 341 "Vay dài hạn" (phần vay dài hạn đến hạn trả trong niên độ kế toán tiếp theo) và số dư Có trên sổ chi tiết TK 342 "Nợ dài hạn" (phần nợ dài hạn đến hạn trả trong niên độ kế toán tiếp theo).

- Sửa đổi cơ sở lấy số liệu để lập chỉ tiêu "Vay và nợ dài hạn" - Mã số 334. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Vay và nợ dài hạn" là tổng số dư Có các TK 341 "Vay dài hạn", TK 342 "Nợ dài hạn", TK 343 "Trái phiếu phát hành" trên sổ chi tiết các TK 341, 342 và 343 sau khi trừ đi khoản vay và nợ ngắn hạn đã được phản ánh ở Mã số 311.

- Sửa đổi mã số và cơ sở lấy số liệu để lập chỉ tiêu "Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư" - Mã số 339 thành Mã số 359. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư" là số dư Có Tài khoản 359 "Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư" trên sổ Cái TK 359.

- Sửa đổi Mã số 328 "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" thành Mã số 319.

- Sửa đổi cơ sở lấy số liệu chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" - Mã số 313. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" là số dư Có chi tiết của tài khoản 131 - "Phải thu của khách hàng" mở cho từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131. Chỉ tiêu này không phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện (gồm cả doanh thu nhận trước).

- Sửa đổi Mã số 430 "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" thành Mã số 323. Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng ban điều hành chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" là số dư Có của Tài khoản 353 "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" trên Sổ Cái.

- Bổ sung chỉ tiêu "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" - Mã số 157. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên mua khi chưa kết thúc thời hạn

hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" là số dư Nợ của Tài khoản 171 "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" trên sổ kế toán Tài khoản 171.

- Bổ sung chỉ tiêu "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" - Mã số 327. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên bán khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" là số dư Có của Tài khoản 171 "Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ" trên sổ kế toán Tài khoản 171.

- Bổ sung chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" - Mã số 328. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong vòng 12 tháng tới tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" là số dư Có của tài khoản 3387 - "Doanh thu chưa thực hiện" trên sổ kế toán chi tiết TK 3387 số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong vòng 12 tháng tới.

- Bổ sung chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện dài hạn" - Mã số 338. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện dài hạn" là số dư Có của tài khoản 3387 - "Doanh thu chưa thực hiện" trên sổ kế toán chi tiết TK 3387 số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trên 12 tháng.

- Bổ sung chỉ tiêu "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ" - Mã số 339. Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ" là số dư Có Tài khoản 356 "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ" trên Sổ kế toán TK 356.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu tại điểm 3.3 phần III Báo cáo tài chính quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03 - CTCK)

- Tiền thu bán trái phiếu Chính phủ theo hợp đồng mua, bán lại (Repo) được phản ánh vào chỉ tiêu "Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được" (Mã số 33);

- Tiền thanh toán mua/mua lại trái phiếu Chính phủ theo hợp đồng mua, bán lại (Repo) được phản ánh vào chỉ tiêu "Tiền chi trả nợ gốc vay" (Mã số 34).

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu của Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Bổ sung mẫu Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05-CTCK) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Nội dung và phương pháp lập Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu:

Báo cáo này dùng để phản ánh tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán.

Cột A "Chỉ tiêu" phản ánh các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu

Cột 1, cột 2 "Số dư đầu năm" phản ánh số dư đầu năm (bao gồm năm trước, năm nay) theo từng chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu.

Số liệu để ghi vào cột 1 "Năm trước" theo từng chỉ tiêu được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 7 của báo cáo này năm trước.

Số liệu để ghi vào cột 2 theo từng chỉ tiêu được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 8 của báo cáo này năm trước, hoặc số liệu ghi vào cột 2 được căn cứ vào sổ kế toán các TK 411, 412, 413, 414, 415, 418, 419 và 421 năm nay.

Cột 3, cột 4, cột 5, cột 6 "Số tăng/giảm" phản ánh tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu theo từng chỉ tiêu.

Số liệu để ghi vào cột 3, cột 4 "Tăng", "Giảm" của năm trước theo từng chỉ tiêu căn cứ vào số liệu của cột 5 "Tăng"; cột 6 "Giảm" của báo cáo này năm trước.

Số liệu ghi vào cột 5, cột 6 "Tăng", "Giảm" của năm nay theo từng chỉ tiêu được căn cứ vào sổ kế toán các TK 411, 412, 413, 414, 415, 418, 419 và 421 năm báo cáo.

Cột 7, cột 8 "Số dư cuối năm" phản ánh số dư cuối năm (bao gồm năm trước, năm nay) vốn chủ sở hữu theo từng chỉ tiêu. Số liệu ghi vào cột 7 (số dư cuối năm trước) của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 8 (số dư cuối năm nay) của báo cáo này năm trước.

Số liệu ghi vào cột 8 "Số dư cuối năm nay" của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số dư cuối năm của các TK 411, 412, 413, 414, 415, 418, 419 và 421 năm báo cáo.

Điều 8. Các chỉ tiêu trong từng Báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng như các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm ban hành tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2011.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Trưởng Vụ Chế độ kế toán và Kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Giám đốc các Công ty chứng khoán và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các Công ty phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01

(Kèm theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008)

Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu của Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 95/2008/TT-BTC

1. Bổ sung điểm 01 Mục V - Tiền và tương đương tiền như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	...	...
- Tiền gửi ngân hàng	...	...
Trong đó:		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	...	...
- Tiền đang chuyển		
.....		

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 04 Mục V - Tình hình đầu tư tài chính như sau:

Chỉ tiêu	**Số lượng**		**Giá trị theo sổ kế toán**		**So với giá thị trường**				**Tổng giá trị theo giá thị trường**		**Ghi chú**
					Tăng		Giảm				
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
I. Chứng khoán thương mại - Cổ phiếu (Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/ rủi ro) - Trái phiếu (Chi tiết danh mục trái phiếu bị giảm giá/ rủi ro)											

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
					Tăng		Giảm				
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
- Chứng chỉ quỹ (Chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro) - Chứng khoán khác (Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro)											
II. Chứng khoán đầu tư **1. Chứng khoán sẵn sàng để bán** + Cổ phiếu (Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro) + Trái phiếu Chính phủ (Chi tiết danh mục trái phiếu Chính phủ bị giảm giá/rủi ro) + Trái phiếu Công ty (Chi tiết danh mục trái phiếu công ty bị giảm giá/rủi ro)											

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
					Tăng		Giảm				
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
+ Chứng chỉ quỹ (Chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro) + Chứng khoán khác (Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro)											

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn + Trái phiếu Chính phủ (Chi tiết danh mục trái phiếu Chính phủ bị giảm giá) + Trái phiếu Công ty (Chi tiết danh mục trái phiếu công ty bị giảm giá/rủi ro) + Chứng chỉ quỹ (Chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro) + Chứng khoán khác (Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro)					
III. Đầu tư góp vốn					
- Đầu tư vào công ty con (Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con bị lỗ)					

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bị lỗ)					
IV. Đầu tư tài chính khác					

- Lý do thay đổi giá trị hợp lý:.....

- Chi tiết giá trị chứng khoán dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ:.....

- Chi tiết các chứng khoán đang thực hiện hợp đồng Repo:.....

+ Giá trị ghi sổ

+ Thời hạn

+ Giá trị mua, bán lại của hợp đồng Repo

3. Bổ sung điểm 13 Mục V - Vay ngắn hạn như sau:

13. Vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
- Vay ngân hàng (Chi tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)	...	.....		...	...
- Vay cá nhân (Chi tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)	...	.....		...	...
- Vay của đối tượng khác (Chi tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)	...	.....		...	...
Cộng	...	.....		...	...

4. Sửa đổi điểm 13 Mục V - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" thành điểm 14 Mục V - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác", điểm 14 Mục V - "Phải trả dài hạn nội bộ" thành điểm 15 Mục V - "Phải trả dài hạn nội bộ".

5. Hủy bỏ nội dung quy định tại điểm 16 Mục V - "Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu".

6. Sửa đổi điểm 15 Mục V - "Vay và nợ dài hạn" thành điểm 16 Mục V - "Vay và nợ dài hạn" như sau:

16. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
a) Vay dài hạn - Vay ngân hàng (Chi tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay) - Vay đối tượng khác (Chi tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)	... ...		... ...		... ...
b) Nợ dài hạn - Thuê tài chính - Nợ dài hạn khác	... ...		... ...		... ...
Cộng	**.....**		**.....**		**...**

7. Bổ sung điểm 17 Mục V - Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả Sở GDCK	...	...
- Phải trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	...	...
- Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	...	...
- Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	...	...
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	...	...

8. Bổ sung điểm 18 Mục V - Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ	...	...
- Số sử dụng trong kỳ	...	...
- Số trích lập trong kỳ	...	...
- Số dư cuối kỳ	...	...

9. Bổ sung Mục VIII - Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập:

.....

- Chi phí:

..... (.....)

- Lãi (Lỗ):

.....

Cộng:

10. Sửa đổi mục VIII "Những thông tin khác" thành Mục IX "Những thông tin khác".

Phụ lục số 02

(Kèm theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008)

Công ty Chứng khoán:.....
Địa chỉ:.....
Điên thoại:..... Fax:.....

Mẫu số B05 - CTCK
(Ban hành theo TT số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm....

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
.....									
2. Thặng dư vốn cổ phần									
.....									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
.....									
4. Cổ phiếu quỹ (*)									
.....									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
.....									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
.....									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
.....									

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
8. Quỹ dự phòng tài chính									
.....									
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
.....									
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII								
.....									
Cộng									

* Giải thích một số trường hợp tăng, giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm.

Lập, ngày... tháng... năm....

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)